TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 25- 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thượng
2. Ông Nguyễn Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Đăng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 14/6/2021). Vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1957; Vắng mặt.

2.2. Bà **Đoàn Thị Mỹ V**, sinh năm 1966; Vắng mặt.

2.3. Chị **Lê Thị Ánh T3**, sinh năm 1983; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 18, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Tân Châu, tỉnh

Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn bà Trương Thị T, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đỗ Thị M trình bày:

Ngày 21/05/2016 (AL), vợ chồng bà Đoàn Thị Mỹ V, ông Lê Văn T1 có vay của bà Trương Thị T số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, góp 60 ngày là hết nợ.

Vợ chồng bà V vay được 02 ngày thì thỏa thuận với bà T tính tiền lãi theo tháng, 03 tháng trả 01 lần cả tiền gốc lẫn lãi. Sau đó, vợ chồng bà V, ông T1 mượn thêm 100.000.000 đồng để làm vốn mua bán và hứa mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, góp trong vòng 125 ngày, kể từ ngày 15/7/2016 (AL). Bà V và ông T1viết giấy nhận tiền và ký tên nhận nợ.

Đến ngày 16/01/2018, bà V cùng con gái là Lê Thị Ánh T3 đến vay thêm bà Tsố tiền 30.000.000 đồng, để làm vốn mua bán và có giao cho bà Tmột giấy chứng nhận QSD đất số AE623356, thửa 1664, tờ bản đồ số 01, diện tích 8.000 m^2, đất tọa lạc tại xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bà Nguyễn Thị S đứng tên giấy chứng nhận QSD đất để làm tin.

Từ ngày vay thêm số tiền 30.000.000 đồng thì vợ chồng ông T1, bà V không trả lãi số tiền nào. Ngày 07/6/2021, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1, bà V, chị T3 trả số tiền 180.000.000 đồng. Bà S cùng có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày khởi kiện. Quá trình giải quyết, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T1 và bà V trả số tiền vay gốc 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bà S, chị T3 cùng có trách nhiệm trả số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2021, bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ V trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Văn T1, là mẹ của chị Lê Thị Ánh T3. Bà có vay tiền của bà Trương Thị T nhiều lần từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, trả góp ngày cứ vay 5.000.000 đồng thì trả góp thành 6.000.000 đồng. Hiện tại, bà không còn nợ tiền gì với bà T vì con gái bà là chị T3 đã trả hết cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T1 trình bày:

Bà Đoàn Thị Mỹ V là vợ của ông, chị Lê Thị Ánh T3 là con của ông và bà V. Trước đây, bà V có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, vợ chồng ông có ký tên, khi vay có thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông. Sau đó, không nhớ thời gian nào thì vợ chồng ông đã trả số tiền vay 50.000.000 đồng

và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, vợ chồng ông không còn nợ tiền gì với bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Ánh T3 trình bày:

Chị là con của ông T, bà V. Chị có vay tiền của bà Trương Thị T số tiền 30.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ có chị và bà V cùng ký tên, có đưa cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà S để làm tin, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 600.000 đồng, góp 65 ngày. Chị đã góp được 20 ngày, khi góp không làm giấy tờ gì. Trước đây, cha mẹ chị có vay của bà T 150.000.000 đồng, bà T có yêu cầu chị đứng ra trả nợ thay cho cha mẹ nên chị đã đứng ra viết giấy nợ mới cho bà T, còn giấy nợ cũ của cha mẹ chị thì bà T không đưa lại. Nay, bà T yêu cầu ông T, bà V trả số tiền vay 180.000.000 đồng, theo chị thì chị đồng ý trả cho bà T 30.000.000 đồng, còn số tiền 150.000.000 đồng của ông T, bà V đã chuyển sang nợ cho chị nên ông T, bà V không còn nợ bà T nửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- *Ý kiến của đại diện Việm kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 166, 463 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị Quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của bà T. Buộc bà V, ông T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 180.000.000 đồng.

Án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Đoàn Thị Mỹ V, ông Lê Văn T1 là bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ

vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, bà V, ông T, bà S.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 21/05/2016 (AL), vợ chồng bà Đoàn Thị Mỹ V, ông Lê Văn T1 có vay của bà Trương Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà V, ông T1 vay thêm 100.000.000 đồng. Đến ngày 16/01/2018, bà V cùng con gái là Lê Thị Ánh T3 đến vay bà T thêm số tiền 30.000.000 đồng. Bà T cho rằng vợ chồng ông T, bà V còn nợ bà 180.000.000 đồng. Ông T, bà V cho rằng không còn nợ bà T số tiền nào nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có cung cấp 03 giấy nợ:

Giấy vay tiền ngày 21/5/2016 (AL), có nội dung: Vợ chồng ông T, bà V có mượn của bà T 50.000.000 đồng, góp 1 ngày 1.000.000 đồng, góp trong vòng 60 ngày, có chữ ký của ông T1 và bà V.

Giấy vay tiền ngày 15/7/2016 (AL), có nội dung bà Đoàn Thị Mỹ V có mượn của bà T 100.000.000 đồng, góp 1 ngày 1.000.000 đồng, góp trong vòng 125 ngày, kể từ ngày 15/7/2016 (AL), có chữ ký của bà Đoàn Thị Mỹ V và ông Lê Văn T1.

Giấy vay tiền ngày 16/01/2018, có chữ ký của bà Đoàn Thị Mỹ V và chị Lê Thị Ánh T3, có nội dung: Ngày 16/01/2018, 30.000.000 đồng, góp 65 ngày, ngày 600. Qua làm việc với chị T3, chị thừa nhận chị và mẹ chị có vay số tiền 30.000.000 đồng và có ký vào giấy vay.

Qua làm việc với ông T, ông có thừa nhận có vay tiền của bà T số tiền 50.000.000 đồng, nhưng đã trả xong, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Mặt khác, ông cho rằng các giấy vay do bà T cung cấp không phải là chữ ký của ông, nhưng ông không yêu cầu giám định.

Bà V, chị T3 cho rằng: Khoản vay 50.000.000 đồng ngày 21/5/2016 (AL) và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15/7/2016 (AL) bà T đồng ý chuyển giao cho chị T3 và lập lại giấy nợ cho chị T3, được giải quyết trong vụ án khác bằng quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự số 65, ngày 23/11/2021. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ giải quyết vụ án giữa bà T và chị T3 không thể hiện việc chuyển giao nợ, bà T cũng không thừa nhận. Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định ông T, bà V có vay bà Tsố tiền 180.000.000 đồng. Yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi của số tiền vay gốc 180.000.000 đồng và không yêu cầu chị T3, bà S cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 180.000.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu này của bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE623356, cấp ngày

21/7/2006, phần đất có diện tích 8.000 m^2; thửa số 1664; tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị S đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Khi vay tiền của bà T, chị T3, bà V, bà S giao cho bà T giữ để làm tin, các bên không làm thủ tục thế chấp theo quy định, bà T đồng ý trả cho bà S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông T, bà V phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Lê Văn T1 và bà Đoàn Thị Mỹ V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn T1 và bà Đoàn Thị Mỹ V cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng.

Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu bà Nguyễn Thị S, chị Lê Thị Ánh T3 cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Văn T1 và bà Đoàn Thị Mỹ V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Bà Trương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE623356, cấp ngày 21/7/2006, phần đất có diện tích 8.000 m^2; thửa số 1664; tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị S đứng tên, đất tọa lạc tại xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (bản chính).

3/ Về án phí:

Ông Lê Văn T1 và bà Đoàn Thị Mỹ V phải chịu 9.000.000 (chín triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan